TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2023/KDTM-PT
Ngày 29- 12 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr, ông Vũ Văn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 17/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2023/QĐ-PT ngày 22/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐ-PT ngày 05/12/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH D2;

Đại diện theo pháp luật: Bà Trịnh Thị Vân A – Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: C N, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Lê Thu H, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Công ty L3, Tầng C tòa nhà S, phố N, phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội, có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH D2;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành L – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: D L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh L1.

Địa chỉ: A H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty cổ phần C1 (HAECO);

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Q, chức vụ: Tổng Giám đốc Địa chỉ: C Hồ Đ, tổ A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Tiến D

Địa chỉ: Số C N, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH D2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trịnh Thị Vân A trình bày: Ngày 13/4/2021, Công ty D2 và Công ty D2 đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 13/4/2021/LV-HĐKT-NB (gọi tắt là "Hợp đồng"). Theo đó, Công ty D2 mua 03 ô tô khách giường nằm, hiệu HAECO UNIVERSE của Công ty D2. Giá trị Hợp đồng: 9.990.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10% nhưng chưa bao gồm thuế trước bạ các chi phí đăng ký, đăng kiểm, bảo hiểm xe). Thời hạn thanh toán: chia làm 3 đợt:

+ Đợt 1: thanh toán 20% hợp đồng với số tiền là 1.998.000.000 đồng ngay sau khi ký kết hợp đồng.

+ Đợt 2: Công ty D2 thanh toán đợt 2 cho Công ty D2 số tiền còn lại của phần đối ứng với ***khoản ngân hàng cam kết cho Công ty D2 vay*** theo Hợp đồng.

+ Đợt 3: Ngân hàng sẽ thanh toán giá trị còn lại của Hợp đồng cho Công ty D2 khi Công ty D2 hoàn tất thủ tục chứng từ tài chính đối với khoản vay đã được duyệt tương ứng với Hợp đồng này.

- Thời gian giao hàng: Hoàn thành xe trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi Công ty D2 được thanh toán lần 01 của Công ty D2 (Ngân hàng có tiền vào tài khoản của Bên A) và Thông báo Tín dụng của Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết Hợp đồng, Công ty D2 đã thanh toán cho Công ty D2 tổng cộng là 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng) qua 02 lần ủy nhiệm chi, cụ thể: Lần 1: thanh toán số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 15/4/2022 tại S; Lần 2: thanh toán số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 26/4/2021 tại S. (tương ứng thanh toán lần 01 là 20% giá trị Hợp đồng).

- Ngày 20/4/2021, Công ty D2 và Công ty D2 đã tiếp tục ký Hợp đồng kinh tế số 20-04/2021/LV-HĐKT để nhằm đáp ứng hồ sơ vay vốn, quy trình định giá tài sản khi cho vay vốn của Ngân hàng (thực chất Hợp đồng này chỉ được hai bên ký kết để nhằm vay vốn của Ngân hàng thanh toán cho Hợp đồng kinh tế số 13/4/2021/LV-HĐKT-NB được các bên ký kết vào ngày 13/4/2021).

- Công ty D2 đã nộp hồ sơ vay vốn và có đề nghị sử dụng khoản vay từ Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh T để bổ sung vốn đầu tư mua xe ô tô trên (thanh toán theo đợt 2 cho Công ty D2). Tuy nhiên đúng thời điểm đó thì dịch bệnh bùng phát nặng nề, ảnh hưởng lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp vận tải, trong đó có Công ty D2, do vậy hồ sơ vay vốn của Công ty D2 kể từ thời điểm đó chưa được Ngân hàng phê duyệt (có xác nhận của Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh T vào ngày 04/05/2022).

- Do ảnh hưởng bởi dịch C, Công ty D2 đã phải giải tán tạm thời toàn bộ lực lượng lao động đang làm việc tại Công ty T1, toàn bộ hoạt động vận tải hành khách tạm ngừng hoàn toàn; các khoản vay dự kiến được sử dụng theo cam kết của Ngân hàng để mua xe đã bị tạm thời ngừng giải ngân. Vì vậy ngày 05/08/2021, Công ty D2 đã có Công văn số 0804.2021/CV-VA gửi tới Công ty D2 về việc đề xuất chấm dứt Hợp đồng số 13-04/2021/LV-HĐKT-NB và yêu cầu được nhận lại khoản tiền trước đó đã thanh toán.

- Ngày 15/10/2021, Công ty D2 đã có Công văn số 05/CV-LV về việc giải quyết Hợp đồng, theo đó Công ty D2 đưa ra 02 phương án giải quyết gồm: gia hạn thời hạn Hợp đồng thêm 30 ngày để Công ty D2 hoàn tất thanh toán hoặc

hai bên sẽ cùng tìm đối tác để bán 03 chiếc xe ô tô Công ty D2 đã mua, Công ty D2 sẽ hoàn trả lại tiền cọc cho chúng tôi sau khi trừ đi phần chênh lệch do sụt giảm giá trị xe.

- Ngày 01/11/2021 và ngày 11/11/2021 Công ty D2 tiếp tục có Công văn số 0111.2021/CV-VA, Công văn 1111.2021/CV-VA về việc mong muốn chấm dứt Hợp đồng và đồng ý với phương án giải quyết 02 do Công ty D2 đưa ra: "*sẽ cùng tìm đối tác để bán 03 xe ô tô hiệu HAECO UNIVERSE" và giải quyết thanh lý Hợp đồng số 13-04/2021/LV-HĐKT-NB*."

- Ngày 22/11/2021 Công ty D2 đã có Công văn phúc đáp số 25/CV-LV. Theo đó, Công ty D2 thống nhất về việc xử lý Hợp đồng số số 13-04/2021/LV-HĐKT-NB theo Phương án *"tìm đối tác để bán 03 xe ô tô hiệu HAECO UNIVERSE, phần chênh lệch do sụt giảm giá trị xe Công ty D2 tự chịu trách nhiệm. Sau khi đối tác thanh toán đủ 100% giá trị xe thì các bên sẽ tiến hành thanh lý Hợp đồng và Công ty D2 sẽ hoàn trả tiền đặt cọc (tiền thanh toán lần 1) cho Công ty D2 sau khi khấu trừ giá trị chênh lệch và chi phí hợp lý khác.*

- Hoạt động vận tải được Nhà nước cho phép kinh doanh trở lại, do đó khắc phục những khó khăn trước mắt, Công ty D2 vẫn mong muốn được tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua xe với Công ty D2. Vì vậy, ngày 07/04/2022 Công ty D2 đã chủ động vào nhà máy H2 để kiểm tra xe nhưng chưa hoàn thiện (có hình ảnh kèm theo). Sau đấy Công ty D2 tiếp tục bay vào trong S để gặp Giám đốc Công ty D2. Nhưng giám đốc Công ty D2 vẫn không thiện chí (có ghi âm kèm theo).

- Ngày 13/04/2022 Công ty D2 đã có Công văn số 1304.2022/CV-VA về việc đề nghị Công ty D2 cung cấp số tiền thực tế hàng tháng mà Công ty D2 phải trả lãi cho Ngân hàng để Công ty D2 chuẩn bị tài chính và có phương án thực hiện Hợp đồng mua 03 xe. (trước đó Công ty D2 yêu cầu Công ty D2 phải trả khoản lãi phát sinh do vấn đề chậm thực hiện Hợp đồng).

- Ngày 18/4/2022, Công ty D2 đã ra Thông báo về mức áp dụng lãi suất cho Hợp đồng số 13-04/2021/LV-HĐKT-NB với mức lãi suất là 9,3%/năm (giá trị tính lãi là 8.190.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 13/05/2021), đồng thời phải nhận được thông báo giải ngân về khoản tiền trên trước ngày 15/5/2022, nếu không thì sẽ thanh lý hợp đồng.

- Ngày 28/04/2022 Công ty D2 đã có Công văn số 2804/CV-VA về việc không đồng ý tính lãi, thời gian tính lãi, mức lãi suất mà Công ty D2 đưa ra.

- Ngày 12/5/2022, Công ty D2 đã có Công văn số 1205.2022/CV-VA đề nghị Công ty D2 tạo điều kiện ký kết lại Hợp đồng kinh tế mới (dựa trên nội dung Hợp đồng đã ký năm 2021) làm cơ sở để Công ty D2 hoàn thiện hồ sơ vay vốn ngân hàng và tiếp tục mua 03 xe ô tô khách giường nằm nhãn hiệu HAECO UNIVERSE.

- Ngày 16/5/2022, Công ty D2 đã ra Thông báo thanh lý Hợp đồng số 13-04/2021/LV-HĐKT-NB với Công ty D2 mà không có động thái giải quyết số tiền mà Công ty D2 đã thanh toán trước đó.

- Công ty D2 đã thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Việc Công ty D2 chưa thanh toán giá trị Hợp đồng còn lại của đợt 2 và đợt 3 là do sự kiện dịch bệnh là bất khả kháng, phía Ngân hàng chưa duyệt khoản vay của Công ty D2. Vì vậy Công ty D2 không vi phạm hợp đồng. Ngoài ra,

Công ty D2 đã tìm mọi biện pháp để có thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng với Công ty D2, cũng như rất cầu thị đưa ra các phương án trong việc giải quyết Hợp đồng số 13-04/2021/LV-HĐKT-NB nếu Công ty D2 không đồng ý tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

- Hành vi tự ý chấm dứt Hợp đồng của Công ty D2 và không hoàn trả số tiền chúng tôi thanh toán đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty D2.

- Công ty D2 nhận được thông tin Công ty D2 đã hoàn trả lại 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)* tiền mua xe mà Công ty D2 đã thanh toán cho ông Nguyễn Tiến D - chồng của bà Trịnh Thị Vân A (Người đại diện theo pháp luật của Công ty D2.) Công ty D2 đã làm việc với ông Nguyễn Tiến D để xác minh thông tin trên. Ông Nguyễn Tiến D khẳng định thông tin trên là đúng sự thật và đã chuyển số tiền 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)* cho Công ty D2. Do đó, số tiền còn lại Công ty D2 vẫn đang giữ của Công ty D2 là 1.800.000.000 đồng *(Một tỷ tám trăm triệu đồng)*.

Nay Công ty D2 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty D2 hoàn trả lại cho Công ty D2 số tiền đã thanh toán với giá trị là 1.800.000.000 đồng do Công ty D2 đơn phương chấm dứt hợp đồng số 13-04/2021/LV-HĐKT-NB và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 16/5/2022 đến ngày xét xử theo mức 10%/ năm thành tiền là 245.016.000đ; tổng cộng là 2.045.016.000đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thu H trình bày: Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì việc thanh toán đợt 2 là theo hồ sơ giải ngân từ phía Ngân hàng D2 làm thủ tục vay, nhưng do đại dịch C xảy ra, đây là sự kiện bất khả kháng nên Công ty D2 được miễn trừ nghĩa vụ theo hợp đồng ký kết với công ty D2, ngoài ra quá trình đàm phán giải quyết giữa hai công ty không thành là do Công ty D2 không có thiện chí, đưa ra những yêu cầu không có căn cứ như tính lãi quá cao, không tạo điều kiện ký hợp đồng mới để công ty D2 hoàn thiện hồ sơ vay vốn Ngân hàng khi giãn dịch C; và hai bên đã thống nhất đưa ra phương án là tìm bên thứ 3 để bán 03 chiếc xe trên và thực tế công ty D2 đã nhận 02 chiếc xe để kinh doanh và không chịu bất cứ khoản chi phí nào khác với bên thứ 3 là nhà máy H3, Công ty D2 cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh thiệt hại nên việc Công ty D2 khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ.

*** Đại diện theo pháp luật của Bị đơn – ông Nguyễn Thành L trình bày:**

- Ngày 13 tháng 4 năm 2021 công ty TNHH D2 (gọi tắt: Bên bán) MST: 6001620751, địa chỉ D L, phường T, Tp B, T.Đăk Lăk có ký hợp đồng kinh tế số 13-04/2021/LV – HĐKT-NB với Công ty TNHH D2 (gọi tắt: Bên Mua) MST 2802298722, địa chỉ Số C N, phường H, Tp T, tỉnh Thanh Hóa với nội dung như sau: Bán 03 ô tô khách giường nằm; Nhãn hiệu: H3; Số loại: Haeco Limousine; Với giá trị mỗi chiếc là 3.330.000.000 vnd (bằng chữ: ba tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng); Tổng giá trị hợp đồng ký kết là: 9.990.000.000 vnd (bằng chữ: chín tỷ chín trăm chín mươi triệu đồng)

Đợt 1: Bên mua chuyển trước tiền cho bên Bên bán 20% hợp đồng với số tiền là 1.998.000.000 (một tỷ chín trăm chín mươi tám triệu triệu đồng) ngay sau khi hai bên ký hợp đồng kinh tế. (kèm theo điều khoản: Sau khi đã ký hợp

đồng và bên mua chuyển tiền cho bên bán, mọi thay đổi phát sinh về màu sơn xe bên mua sẽ phải thanh toán thêm chi phí cho bên bán. Nếu bên mua không mua xe, tự ý hủy hợp đồng thì bên bán sẽ không hoàn lại số tiền đặt cọc mua xe cho bên mua.)

Đợt 2: Bên mua sẽ thanh toán đợt 2 cho bên bán số tiền còn lại của phần đối ứng với khoản ngân hàng cam kết cho bên mua vay theo hợp đồng

Đợt 3: Ngân hàng sẽ thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng cho bên mua khi Bên mua hoàn tất thủ tục chứng từ tài chính đối với khoản vay đã được duyệt tương ứng với hợp đồng này. Thời gian để hoàn tất thủ tục tài chính để ngân hàng giải ngân không 07 ngày làm việc từ ngày bên bán xuất hóa đơn GTGT để không ảnh hưởng đến việc thanh toán với bên bán. Trong trường hợp chậm trễ sau 07 ngày (nhưng không quá 15 ngày), bên mua phải chịu lãi chậm là 0,1% trên số dư nơ cho bên bán. Sau thời han này nếu bên mua không hoàn tất thủ tục thanh toán thì bên bán có quyền đơn phương hủy hợp đồng, thu hồi xe và hóa đơn GTGT đã xuất. Bên mua phải bồi hoàn mọi thiệt hại do việc vi phạm hợp đồng đã gây ra. (Bên bán sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với trường hợp bên mua không thực hiện đúng các quy định trong hợp đồng mua bán này)

Thời điểm xác lập quyền sở hữu: Quyền sở hữu chiếc xe theo hợp đồng được chuyển nhượng từ bên bán sang bên mua ngay sau khi bên bán nhận đủ 100% giá trị hợp đồng (trong thời gian bên mua chưa thanh toán đủ 100% giá trị hợp đồng, chiếc xe vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán)

Sau khi ký kết hợp đồng, ngày 15/04/2021 bên mua đã chuyển đặt cọc cho bên bán số tiền là 200.000.000 vnd (bằng chữ: hai trăm triệu đồng) để kích hoạt các điều khoản hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng của bên bán như sau: Toàn bộ việc trao đổi thông tin với bên mua thông qua ông Nguyễn Tiến D (số điện thoại 0911851010 là chồng hợp pháp của bà Nguyễn Thị Vân A1 là người đại diện pháp lý bên mua) Ngày 13 tháng 04 năm 2021 có ký kết hợp đồng kinh tế với bên bán. Trong quá trình trao đổi và thống nhất về phương án sản xuất với bên thứ 3 là Công ty CP C2.HUẾ (gọi tắt: nhà cung ứng) ngày 20 tháng 04 năm 2021 sau khi cả 3 bên thống nhất và đồng ý với các phương án giao 02 xe giường nằm trước Lễ 30/4/2021 và 01 xe giường nằm sau Lễ 30/04/2021, bên bán tiến hành làm đơn đặt hàng cho nhà cung ứng để sản xuất theo đơn hàng Số 20042021/ ĐH-LV *(có văn bản kèm theo số thứ tự 02).* Quá trình thực hiện hợp đồng bên bán luôn cập nhập tiến độ và thông báo cho bên mua hoàn thành các thủ tục để thực hiện hợp đồng đúng thời hạn trên các nhóm Zalo " Xe Vân A2 – Thanh Hóa" có sự tham gia của các thành viên bên mua như: Nguyen Thi Thanh N (Kế toán bên mua), Anh Dũng V (Người đại diện trao đổi thông tin), Nguyen Thi Van A3 (đại diện pháp lý bên mua); bên bán có Nguyễn Thành L; bên cung ứng có Haeco S (phó tổng Giám đốc bên cung ứng). Ngoài ra còn trao đổi trực tiếp với Anh D1 bằng các đoạn hội thoại trên ứng dụng Zalo để thông báo tiến độ. (có tập hình ảnh kèm theo số thứ tự 03 và 04).

Ngày 23 tháng 04 năm 2021 bên nhà cung ứng thông báo đã hoàn thiện thủ tục hồ sơ yêu cầu bên mua chuyển số tiền là 1.600.000.000 vnđ (một tỷ sáu trăm triệu đồng) và chứng thư bảo lãnh tín dụng của ngân hàng tài trợ cho vay (gọi

tắt: thông báo cho vay) của bên mua để làm căn cứ rút hồ sơ tiến hành đăng ký phương tiện (*có kèm theo hoá đơn, giấy chứng nhận xuất xưởng số thứ tự 05-06).* Bên mua đã chuyển đủ số tiền yêu cầu của nhà cung ứng. Thông báo cho bên mua qua Anh D1 (bằng cách điện thoại trực tiếp và tin nhắn zalo) chuyển số tiền tương ứng trên hợp đồng và gấp rút gửi thông báo cho vay của ngân hàng trước ngày 27/4/2021 để tiến hành đăng ký và giao phương tiện kịp tiến độ. Sau đó thì bên mua chuyển số tiền 2.000.000.000 vnd (hai tỷ đồng) và hẹn ngày 27/4 sẽ có thông báo cho vay của ngân hàng.

Ngày 27 tháng 04 năm 2021 bên mua vẫn không cung cấp được thông báo cho vay của ngân hàng nên bên bán đã gửi 01 bản công văn mẫu về việc "Giấy cam kết thanh toán" cho bên mua để ký tên nhằm đảm bảo rủi ro phát sinh nếu bên mua không được ngân hàng bảo lãnh thanh toán thì phải cam kết tự nguyện ký toàn bộ thủ tục sang tên lại giấy tờ pháp lý các phương tiện cho bên bán. Nhưng bên mua không đồng ý ký dẫn đến việc bên bán không đủ căn cứ để xin nhà cung ứng rút hồ sơ tiến hành đăng ký cho bên mua.

Ngày 3 tháng 5 năm 2021 bên mua vẫn chưa có được thông báo cho vay của ngân hàng nhưng vẫn cứ thúc dục bên bán phải rút hồ sơ để tiến hành đăng ký mặc dù chưa đúng các trình tự thủ tục. Bên bán đã hỗ trợ đưa ra 2 phương án để cho bên mua lựa chọn để tiến hành giao xe cho bên mua kịp tiến độ. Sau khi cân nhắc bên mua đã chọn phương án giao xe thứ 2, và bên bán đã chuyển hoàn trả lại số tiền 400.000.000 vnđ (bốn trăm triệu đồng) vào ngày 4/5/2021. Trong phương án 2 có điều kiện như sau: " Có thông báo bảo lãnh cho vay của ngân hàng G rõ đơn vị thụ hưởng là Công ty TNHH V1". Nhưng việc bên mua không ký văn bản này làm căn cứ để tiếp tục hợp đồng thì sau khi hết thời hiệu nêu trong hợp đồng kinh tế số 13-04/2021/LV – HĐKT-NB bên mua có quyền tự ý hủy hợp đồng thì bên bán sẽ không hoàn lại số tiền đặt cọc mua xe cho bên mua căn cứ theo điểm 1 khoản 2.1 điều 2.

Từ ngày 05 tháng 5 năm 2021 đến hết thời hạn hợp đồng bên mua không thực hiện tiếp các điều khoản hợp đồng cũng như có văn bản thông báo về việc xin gia hạn hợp đồng.

Ngày 3 tháng 6 năm 2021 bên mua ra văn bản thông báo chấm dứt hợp đồng kinh tế số 13-04/2021/LV – HĐKT-NB, chấm dứt việc giao dịch giữa các bên liên quan. Ngày 05 tháng 08 năm 2021 bên mua có văn bản số 0804.2021/CV-VA gửi bên mua và bên cung ứng. Trong văn bản này nêu đầy đủ bao gồm: Việc tạm chấm dứt hợp đồng kinh tế số 13-04/2021/LV – HĐKT-NB; Xác định số tiền đặt cọc là 1.800.000.000 đồng; Việc gấp rút để hoàn thành sản phẩm để giao đơn hàng theo yêu cầu của bên mua đúng thời gian và thoả thuận; Đồng ý thỏa thuận về chi phí để đi đến việc thanh lý hợp đồng.

Sau khi nhận được văn bản và tham khảo ý kiến của các bên liên quan, bên bán đã hồi đáp bằng văn bản số 180821/TL-LV nêu nội dung sẽ tạo điều kiện cho bên mua gia hạn hợp đồng thêm 06 tháng kể từ ngày bên bán có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Sau đó bên mua vẫn không đồng ý với phương án trên và vẫn tiếp tục giữ nguyên ý chấm dứt hợp đồng mặc dù bên 2 bên đã có rất nhiều văn bản trao đổi về việc hỗ trợ lên phương án thanh lý tài sản như: văn bản số 05/CV-LV ngày

15/10/2021; văn bản số 0111.2021/ CV-VA ngày 01/11/2021; văn bản số 1111.2021/CA-VA ngày 11/11/2021; văn bản số 25/CV-LV ngày 22/11/2021.

Hiện tại bên bán vẫn đang hỗ trợ khách hàng thanh lý 03 xe trên thể hiện bằng việc đã thanh toán cho bên cung ứng số tiền 3.790.000.000 (Ba tỷ bảy trăm chín mươi triệu đồng) để giữ đơn hàng và đã phải tự làm các hồ sơ vay vốn để thanh toán các phần tiền còn lại cho bên cung ứng mặc dù bên bán không có nhu cầu lấy các phương tiện này. Nhưng bên mua vẫn kiên quyết chấm dứt hợp đồng sau những lần trao đổi.

Căn cứ các Điều 2 Khoản 2.1 Điểm 1 ghi trong hợp đồng "Nếu bên B không mua xe, tự ý huỷ hợp đồng thì bên A sẽ không hoàn lại số tiền đặt cọc mua xe cho bên B"; Căn cứ Điều 2 Khoản 2.1 Điểm 3 " Trong trường hợp chậm trễ sau 07 ngày (nhưng không quá 15 ngày), Bên B phải chịu lãi chậm là 0,1% trên số dư nợ cho bên A. Sau thời hạn này nếu bên B không hoàn tất thủ tục thanh toán thì Bên A có quyền đơn phương huỷ hợp đồng, thu hồi xe và hoá đơn GTGT đã xuất. Bên B phải bồi hoàn mọi thiệt hại do việc vi phạm hợp đồng đã gây ra. (Bên A sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với trường hợp bên B không thực hiện đúng các quy định trong hợp đồng mua bán này."); Căn cứ Điều 5 Khoản 5.1 Điểm 2 "Trong trường hợp 30 ngày kể từ ngày bên B thông báo giao xe vì bất kỳ lý do nào mà bên B không thanh toán hoặc không tiếp tục thực hiện Hợp đồng thì bên B đã thanh toán sẽ thuộc về bên A"; Căn cứ Điều 5 Khoản 5.3 Điểm 6 "Hợp đồng này có hiệu lực 30 ngày kể từ ngày ký nếu bên B không thanh toán đủ 10% hợp đồng hoặc không đủ tiền đối ứng với thông báo của ngân hàng thì xem như bên B đơn phương huỷ hợp đồng và tiền thanh toán thuộc về bên A. Trong trường hợp hợp đồng được thực hiện thanh toán đủ 10% hợp đồng hoặc đủ tiền đối ứng với thông báo của ngân hàng thì bên B nhận đủ tiền và Bên Mua đã nhận được xe thì hợp đòng này xem như được thanh lý".

Vì vậy bên bị đơn kính đề nghị Toà án nhân dân Tp Buôn Ma Thuột – Tỉnh Đăk Lăk xử lý theo các điều khoản được nêu trong Hợp đồng kinh tế số 13-04/2021/LV – HĐKT-NB ký ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa hai bên. Bên Bị đơn sẽ không phải hoàn trả số tiền mà bên đối tác đã ký trong hợp đồng Kinh tế.

Tại phiên Tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Luật thương mại không quy định về trường hợp bất khả kháng nhưng tại khoản 2 Điều 351 BLDS quy định về trường hợp bất khả kháng và Điều 328 Luật dân sự cũng quy định về Hợp đồng đặt cọc nên cần áp dụng mục 5.3 của Hợp đồng để giải quyết; Công ty D2 cho rằng công ty D2 đã vi phạm hợp đồng nhưng công ty D2 chưa khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại mà tách ra giải quyết bằng một vụ án khác, còn trong vụ án này Công ty D2 vi phạm nên mất tiền đặt cọc, nên Công ty D2 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D2.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến D trình bày:**

Tôi được biết Công ty TNHH D2 (gọi tắt là Công ty D2) đang kiện đòi Công ty TNHH D2 (gọi tắt là Công ty D2) số tiền gốc là 1.800.000.000 đồng và tiền chậm trả là 74.700.000 đồng. Tổng số tiền 1.874.7000.000 đồng. Công ty D2 kiện đòi số tiền nói trên do Công ty D2 đơn phương chấm dứt hợp đồng kinh tế về việc mua 03 xe khách trái pháp luật.

Do ảnh hưởng bởi dịch C, Công ty D2 đã phải giải tán tạm thời toàn bộ lực lượng lao đông đang làm việc tại Công ty T1, toàn bộ hoạt động vận tải hành khách tạm ngừng hoàn toàn, các khoản vay sự kiến sử dụng theo cam kết của Ngân hàng để mua xe đã bị tạm thời ngừng giải ngân.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty D2 đã nghiêm túc thực hiện Hợp đồng và thiện chí trong việc tìm giải pháp tháo gỡ cho hai bên khi Ngân hàng không thực hiện phê duyệt hồ sơ vay do đại dịch Covid. Thời điểm đó hoạt động vận tải gần như bị tạm ngưng. Nhà nước chưa cho phép kinh doanh trở lại, do đó khắc phục những khó khăn trước mắt, Công ty D2 vẫn mong muốn được tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua xe với Công ty D2, ngày 07/4/2022 Công ty D2 đã chủ động vào nhà máy H2 để kiểm tra xe nhưng hưa hoàn thiện, có hình anh xe chưa hoàn thiện và hình ảnh khung số máy của 3 xe trùng khớp với hóa đơn nhà máy sản xuất cho Công ty D2 (có ảnh đi kèm). Sau đấy Công ty D2 tiếp tục bay vào S để gặp Giám đốc Công ty D2, nhưng Giám đốc Công ty D2 vẫn không thiện chí (Có ghi âm kèm theo cần được diễn giải chứng cứ theo quy định).

Bất chấp các nỗ lực giải quyết vấn đề phát sinh theo Hợp đồng do đại dịch C là một sự kiện bất khả kháng được miễn trừ các thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Công ty D2 đã đưa ra các yêu cầu vô lý và trái pháp luật như: Công ty D2 đã ra Thông báo về mức lãi suất cho Hợp đồng số 13-04/2021/LV-HĐKT-NB với mức lãi suất là 9,3%/ năm (giá trị tính lãi là 8.190.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 13/5/2021), đồng thời nhận được thông báo giải ngân về khoản tiền trên trước ngày 15/4/2022, nếu không thì sẽ thanh lý hợp đồng.

Sau đó ngày 16/5/2022, Công ty D2 ra thông báo thanh lý Hợp đồng số 13-04/2021/LV-HĐKT-NB với Công ty D2 mà không có động thái giải quyết số tiền mà Công ty D2 đã thanh toán trước đó.

Trước đó, tôi không nhớ chính xác thời gian nào, Công ty D2 đã hoàn trả lại 400.000.000 đồng tiền mua xe mà Công ty D2 đã thanh toán. Tôi đã chuyển số tiền này cho Công ty D2.

Tôi là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, cũng là người đã chứng kiến các nội dung liên quan đến việc ký kết, thực hiện và phát sinh tranh chấp hợp đồng nói trên giữa hai Công ty. Tuy nhiên, tôi không giữ bất cứ chức vụ gì hay làm việc và thực hiện các công việc theo ủy quyền của Công ty D2. Do đó, mọi giao dịch khác liên quan đến vụ việc nói trên như các cuộc gặp, trao đổi thông tin với những cá nhân khác không có giá trị. Bởi vì bà Trịnh Thị Vân A – Giám độc là đại diện pháp luật hợp pháp của Công ty D2 mới có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến Công ty D2.

Tôi cho rằng: Công ty D2 đã thực hiện đúng nội dung Hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Việc Công ty D2 chưa thánh toán giá trị hợp đồng còn lại của đợt 2 và đợt 3 là do sự kiện dịch bệnh là việc bất khả kháng, phía Ngân hàng chưa duyệt khoản vay của Công ty D2. Vì vậy, Công ty. Ngoài ra Công ty D2 không vi phạm hợp đồng và đang tìm mọi biện pháp để có thể thực hiện Hợp đồng với Công ty D2, cũng như rất cầu thị đưa ra các phương án trong việc giải quyết Hợp đồng số 13-04/2021/LV-HĐKT-NB nếu Công ty D2 không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Hành vi chấm dứt Hợp đồng của Công ty D2 và không Hoàn trả số tiền nói trên đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty D2. Do đó, Công ty D2 kiện đòi số tiền 1.874.7000.000 đồng gồm số tiền gốc và tiền lãi chậm trả đối với Công ty D2 là đúng quy định pháp luật.

***Tại phiên Tòa, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty C1 (HAECO) ông Thái Văn N1 trình bày:** Công ty D2 là đại lý của Công ty C1 (H3), việc Công ty D2 ký kết hợp đồng với Công ty D2 thì HAECO, không rõ cụ thể nhưng để thực hiện hợp đồng với Công ty D2, ngày 20/4/2021 Công ty D2 có ký hợp đồng với HAECO để làm 03 chiếc xe oto mang tên Công ty D2, lúc đầu Công ty D2 đặt cọc số tiền 100.000.000đ, sau đó đặt cọc thêm 500.000.000đ, tổng cộng là 600.000.000đ; HAECO đã thực hiện hợp đồng và đã hoàn thiện xong 03 chiếc xe theo đúng thời hạn như đơn đặt hàng của Công ty D2 nhưng công ty D2 không nhận xe, sau đó Công ty D2 có yêu cầu công ty H3 thay đổi màu sơn xe, biển tên, logo từ Công ty D2 sang Công ty D2 và Công ty D2 đã chuyển trả đủ số tiền và nhận 02 chiếc xe trong số 03 chiếc xe đã đặt, còn đối với chiếc xe thứ 3 thì công ty H3 tạo điều kiện cho Công ty D2 hủy hợp đồng và không chịu bất cứ một khoản phí nào cả.

Việc Công ty D2 kiện Công ty D2, Công ty H3 không bị ảnh hưởng gì nên không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2023/KDTM-ST ngày 19/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24; Điều 294; Điều 296 Luật thương mại.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D2.

Buộc Công ty TNHH D2 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH D2 số tiền gốc là 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng) .

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D2 V/v buộc Công ty TNHH D2 có nghĩa vụ trả số tiền lãi là 245.016.000đ (Hai trăm bốn lăm triệu, không trăm mười sáu ngàn đồng)

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 04/10/2023, bị đơn Công ty TNHH D2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, lập luận đánh giá; đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận đơn kháng cáo của đơn Công ty TNHH D2 – Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2023/KDTM-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong thời hạn luật định, đương sự đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định nên được xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 13/4/2021, Công ty D2 và Công ty D2 đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 13/4/2021/LV-HĐKT-NB. Theo đó, Công ty D2 mua 03 ô tô khách giường nằm, hiệu HAECO UNIVERSE của Công ty D2; Giá trị Hợp đồng: 9.990.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10% nhưng chưa bao gồm thuế trước bạ các chi phí đăng ký, đăng kiểm, bảo hiểm xe); Thời hạn thanh toán: chia làm 3 đợt: Đợt 1: thanh toán 20% hợp đồng với số tiền là 1.998.000.000 đồng ngay sau khi ký kết hợp đồng; Đợt 2: Công ty D2 thanh toán đợt 2 cho Công ty D2 số tiền còn lại của phần đối ứng với khoản ngân hàng cam kết cho Công ty D2 vay theo Hợp đồng; Đợt 3: Ngân hàng sẽ thanh toán giá trị còn lại của Hợp đồng cho Công ty D2 khi Công ty D2 hoàn tất thủ tục chứng từ tài chính đối với khoản vay đã được duyệt tương ứng với Hợp đồng này; Thời gian giao hàng: Hoàn thành xe trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi Công ty D2 được thanh toán lần 01 của Công ty D2 (Ngân hàng có tiền vào tài khoản của Bên A) và Thông báo Tín dụng của Ngân hàng; Để thực hiện hợp đồng Cty Vân A đã thanh toán cho Công ty D2 số tiền 2.200.000.000đ qua 02 lần ủy nhiệm chi Lần 1: số tiền 200.000.000đ vào ngày 15/4/2021; lần 2 số tiền: 2.000.000.000 đồng vào ngày 26/4/2021 (thanh toán lần 01 là 20% giá trị hợp đồng) sau đó Công ty D2 đã chuyển lại cho Công ty D2 400.000.000đ là có thật nên số tiền Công ty D2 chuyển cho Công ty D2 để mua xe còn lại 1.800.000.000 đồng. Nội dung nay cả nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng phía nguyên đơn đã vi phạm điểm 6 khoản 5.3 Điều 5 của hợp đồng: *"Trong trường hợp 30 ngày kể từ ngày bên B thông báo giao xe vì bất kỳ lý do nào mà bên B không thang toán hoặc không tiếp tục thực hiện hợp đồng thì bên B thanh toán thuộc về bên A"*. Tuy nhiên, tại Công văn phúc đáp ngày 15/10/2021 mà công ty D2 gửi cho Công ty D2 thì thể hiện việc đề nghị tinh thần thiện chí, hiểu biết và hợp tác lâu dài với Công ty D2, đồng thời đưa ra 02 phương án giải quyết để thanh lý hợp đồng. Sau đó Công ty D2 có công văn gửi Công ty D2 ngày 01/11/2021 nhất trí chọn phương án 2 đó là: "Sẽ cùng nhau tìm đối tác để bán lại 03 xe ô tô…phần chênh lệch do sụt giảm giá trị xe Công ty D2 chịu trách nhiệm….". Vì vậy việc các bên thỏa thuận thay đổi nội dung hợp đồng nêu trên là không trái quy định của pháp

luật, việc bên A đồng ý cho bên B cùng tìm đối tác khác để giải quyết hợp đồng mua bán được xem như là bên A chấp nhận ý kiến bên B đề nghị. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty D2 trả lại số tiền mà Công ty D2 đã thanh toán lần 1 là có cơ sở.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không xem xét đến số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng đối với hợp đồng ban đầu, để đánh giá lỗi của các bên dẫn đến không tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán theo cam kết tại hợp đồng đặt cọc ban đầu là hoàn toàn thiếu sót. Bởi lẽ: Khi đến hạn thanh toán tiền lần 2, thì nguyên đơn Công ty D2 cho không thực hiện, mà đưa ra lý do: Dịch bệnh Covid bùng phát nên Ngân hàng không giải ngân cho Công ty D2 nên Công ty D2 được miễn trừ nghĩa vụ và chỉ cung cấp được một giấy xác nhận của Ngân hàng TMCP S1 (ngày 04/5/2022) có nội dung "…chưa phê duyệt cấp tín dụng đối với Công ty TNHH D2 với mục đích bổ sung vốn đầu tư mua xe ô tô theo Hợp đồng Kinh tế số 20-04/2021 LV-HĐKT-NB ngày 20/4/2021...". Xét giấy xác nhận nêu trên chỉ là thông báo nội bộ của của Ngân Hàng TMCS1 nên không đủ căn cứ để xác định đây là lý do khách quan, hay sự kiện bất khả kháng, trong khi đó Công ty D2 vẫn có thể liên hệ nhiều Ngân hàng hay tổ chức tín dụng khác để đề nghị vay vốn thực hiện nghĩa vụ mà mình đã cam kết với Công ty D2. Do đó, Công ty D2 đã vi phạm quy định tại Điều 2 của hợp đồng Kinh tế: "*Đợt 1: Bên mua chuyển trước tiền cho bên Bên bán 20% hợp đồng với số tiền là 1.998.000.000 (một tỷ chín trăm chín mươi tám triệu triệu đồng) ngay sau khi hai bên ký hợp đồng kinh tế. (kèm theo điều khoản: Sau khi đã ký hợp đồng và bên mua chuyển tiền cho bên bán, mọi thay đổi phát sinh về màu sơn xe bên mua sẽ phải thanh toán thêm chi phí cho bên bán. Nếu bên mua không mua xe, tự ý hủy hợp đồng thì bên bán sẽ không hoàn lại số tiền đặt cọc mua xe cho bên mua.)"*

Như vậy, Công ty D2 đã không thực hiện đúng hợp đồng, không mua xe nên sẽ không được hoàn lại số tiền cọc 200.000.000 đồng, vì vậy cần chấp nhận nội dung kháng cáo này của phía bị đơn là phù hợp.

[2.2] Đối với kháng cáo của bị đơn Công ty D2 cho rằng Công ty D2 vẫn tạo điều kiện cho C3 tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng không được nên Công ty D2 buộc phải nhận 02 xe, còn 01 chiếc xe thì công ty D2 và H1 đã thương lượng hủy hợp đồng đối với chiếc xe trên và Long V phải mất số tiền cọc cho chiếc xe thứ 3 nêu trên là 100.000.000đ, còn 02 chiếc xe Long Vân đã nhận thì phải thanh toán đủ cho H1 số tiền là 6.540.000.000đ (chưa bao gồm 100.000.000đ phạt của chiếc xe thứ 3 nêu trên), nhưng Công ty D2 không cung cấp chứng cứ chứng minh. Tại công văn số 100KD/2022-HAECO ngày 03/11/2022 Công ty CP H3 gửi Tòa án về việc không tham dự phiên tòa và cũng xác nhận Phía Công ty H3 đã hỗ trợ Công ty D2 bằng cách không thanh toán bất kỳ khoản chi phí phát sinh nào đối với 3 chiếc xe. Do đó phía bị đơn Công ty D2 cho rằng Công ty D2 còn chịu mất cọc 100.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, Công ty D2 trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có yêu cầu Công ty D2 bồi thường thiệt hại nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ nhận định lỗi

của hai bên mà không xem xét giải quyết nội dung này là phù hợp. Công ty D2 vẫn có quyền khởi kiện về bồi thường thiệt hại bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định và phân tích trên, xét thấy, cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn Công ty D2 sửa một phần bản án sơ thẩm, chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 13/4/2021/LV-HĐKT-NB và buộc Công ty D2 trả lại số tiền thanh toán đợt 1 cho Công ty D2 1.800.000 đồng trừ đi số tiền cọc 200.000.000 đồng, nên còn phải thanh toán 1.600.000.000 đồng.

[5] Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Công ty TNHH D2 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH D2. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D2.

Buộc Công ty TNHH D2 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH D2 số tiền thanh toán đợt 1 là 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D2 V/v buộc Công ty TNHH D2 có nghĩa vụ trả số tiền đặt cọc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và lãi là 245.016.000đ (Hai trăm bốn lăm triệu, không trăm mười sáu ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH D2, thương mại Long Vân L2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

5.1. Án phí doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH D2 phải chịu: 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) án phí KDTMST.

Công ty TNHH D2 phải chịu 22.251.000đ (Hai mươi hai triệu, hai trăm năm mốt ngàn đồng) án phí KDTM sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 36.000.000đ tạm ứng án phí Công ty TNHH D2 đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0021243 ngày 05/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, sau khi khấu trừ còn được nhận lại 13.749.000đ (Mười ba triệu, bảy trăm bốn chín ngàn đồng)

5.2. Án phí doanh thương mại phúc thẩm:

- Công ty TNHH D2 được trả lại 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2022/0004787 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Kim Khánh